

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VÂN CANH
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2022/HS-ST
Ngày 12-4-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN CANH, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Nhật

Ông Lê Thanh Trà

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vân Canh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Huỳnh Mai Ngọc D (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 08 tháng 10 năm 1986 tại thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định. Nơi cư trú: Khu phố T 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh B; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Ngọc D, sinh năm 1969 và bà Mai Thị Hồng Á, sinh năm 1970; có vợ Thái Thị Mỹ T, sinh năm 1985 và 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 01/11/2021; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, “có mặt”.

- Bị hại: Ông Lê Thành Th, sinh năm 1966, “có mặt”.

Nơi cư trú: Khu phố 3, thị trấn V, huyện V, tỉnh B.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Thái Thị Mỹ T, sinh năm 1985, “có mặt”.

Ông Huỳnh Ngọc D, sinh năm 1969, “có mặt”.

Đồng cư trú: Khu phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh B.

Anh Nguyễn Ngọc Á, sinh năm 1974, “có mặt”.

Nơi cư trú: Khu phố 3, thị trấn V, huyện V, tỉnh B.

Anh Phan Thanh L, sinh năm 1975, “có mặt”.

Nơi cư trú: 19A Nguyễn Văn T, Phường N, Thành phố Q, tỉnh B.

Anh Trần Ngọc M, sinh năm 1982, “có mặt”.

Nơi cư trú: Khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6 năm 2020, Huỳnh Mai Ngọc D có thỏa thuận mua chiếc xe máy đào hiệu IHI 110J – 2, màu sơn xanh của ông Lê Thành Th (sinh năm 1966, trú tại khu phố 3, thị trấn V, V, B) với giá 450.000.000 đồng. D lấy xe máy đào về sử dụng trước và hẹn đến ngày 01/01/2021 sẽ trả tiền, đồng thời hai bên sẽ lập hợp đồng mua bán bằng văn bản. Đến ngày 16/11/2020, D đã tự ý bán chiếc xe máy đào cho anh Nguyễn Ngọc Á (sinh năm 1974, trú tại khu phố 3, thị trấn V, V, B) với giá 400.000.000 đồng để trừ vào khoản nợ D đã vay của anh Á trước đó. Đến ngày hẹn, ông Th chủ động tìm gặp D yêu cầu tiếp tục thực hiện xong hợp đồng nhưng D cho biết do làm ăn thua lỗ nên đã bán chiếc xe máy đào cho anh Á. Sau đó, D bỏ trốn khỏi địa phương để trốn tránh việc trả tiền cho ông Th. Ông Th nhiều lần gọi điện thoại cho D nhưng không được nên đã làm đơn tố cáo, yêu cầu xử lý D theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/11/2021, bị cáo Huỳnh Mai Ngọc D bị bắt theo lệnh truy nã. Tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Theo Kết luận định giá tài sản số 25/KL - HĐĐGTS ngày 22/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Vân Canh xác định: 01 (một) chiếc xe máy đào hiệu IHI 110J-2, màu sơn xanh có giá trị là 382.500.000 đồng.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Vân Canh thu giữ 01 chiếc xe máy đào hiệu IHI 110J -2, màu sơn xanh, tạm giao cho bị hại Lê Thành Th bảo quản để phục vụ quá trình giải quyết vụ án; tạm giữ số tiền 50.000.000 đồng do gia đình bị cáo nộp để bồi thường thiệt hại.

Bị hại Lê Thành Th yêu cầu được nhận lại chiếc xe máy đào, bồi thường số tiền chênh lệch 67.500.000 đồng giữa số tiền thỏa thuận khi mua bán xe máy đào với số tiền theo kết quả định giá, thiệt hại mất thu nhập do không sử dụng xe máy đào trong thời gian 18 tháng với số tiền 7.000.000 đồng/tháng.

Anh Nguyễn Ngọc Á yêu cầu bị cáo Huỳnh Mai Ngọc D phải bồi thường chi phí sửa chữa xe máy đào sau khi nhận xe về sử dụng với tổng số tiền 50.400.000 đồng, thiệt hại mất thu nhập do không sử dụng xe máy đào từ ngày bị tạm giữ 15/9/2021 cho đến nay với số tiền 2.000.000 đồng/ngày và yêu cầu được trả lại xe máy đào.

Bản cáo trạng số: 01/CT-VKS-VC ngày 21/02/2022 của Viện kiểm sát nhân

dân huyện V, tỉnh B truy tố bị cáo Huỳnh Mai Ngọc D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận. Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, Điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại và bị hại có đơn yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 175; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 03 (ba) đến 04 (bốn) năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Huỳnh Mai Ngọc D hiện nay điều kiện kinh tế khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về phần bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

+ Đối với yêu cầu của bị hại Lê Thành Th đã được bị cáo chấp nhận và trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử gia đình bị cáo đã nộp đủ số tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại Lê Thành Th số tiền là 126.000.000 đồng và tại phiên tòa bị hại Th không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Đối với yêu cầu của anh Nguyễn Ngọc Â là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án yêu cầu bị cáo phải hoàn lại số tiền 400.000.000 đồng là số tiền mà anh Â đã mua xe máy đào của bị cáo. Yêu cầu của anh Â đã được bị cáo chấp nhận, nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh Â.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề xuất tuyên trả xe máy đào hiệu IHI 110J-2, màu sơn xanh cho bị hại Lê Thành Th là chủ sở hữu hợp pháp.

Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Huỳnh Mai Ngọc D phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định pháp luật.

* Ý kiến của bị hại: Đồng ý với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V. Bị cáo chấp nhận bồi thường thiệt hại và gia đình bị cáo đã nộp đủ số tiền bồi thường nên không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Về hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Ngọc Â: Đồng ý với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V. Bị cáo chấp nhận hoàn lại số tiền 400.000.000 đồng là tiền bị cáo đã bán xe máy đào cho anh Â, nên anh không có yêu cầu gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vân Canh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Huỳnh Mai Ngọc D là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, bị cáo đã thỏa thuận mua xe máy đào hiệu IHI 110J - 2, màu sơn xanh của bị hại Th với giá 450.000.000 đồng thông qua hợp đồng bằng miệng, lợi dụng sự tin tưởng của bị hại, bị cáo lấy xe máy đào về sử dụng trước khi giao kết hợp đồng và thanh toán tiền cho bị hại và nhiều lần hứa hẹn về việc thanh toán tiền nhưng trước khi đến hạn thực hiện hợp đồng thanh toán tiền, bị cáo đã bán xe máy đào trên cho anh Nguyễn Ngọc Á để cản trở nợ riêng. Hành vi trên của bị cáo đã nhận tài sản “xe máy đào” của bị hại rồi sử dụng tài sản này vào mục đích bất hợp pháp là bán cho anh Nguyễn Ngọc Á dẫn đến không có khả năng trả nợ rồi bỏ trốn khỏi địa phương. Theo kết luận định giá tài sản thì xe máy đào trên có trị giá là 382.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo Huỳnh Mai Ngọc D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) có khung hình phạt từ 05 năm đến 12 năm. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của chủ sở hữu được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Với hành vi và hậu quả mà bị cáo gây ra, phải xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Nên cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Tình tiết giảm nhẹ: Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và được bị hại có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ qui định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) nên cần áp dụng khi quyết định hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét thấy, hiện nay điều kiện kinh tế của bị cáo khó khăn, do đó Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về bồi thường thiệt hại về dân sự:

[6.1] Xét yêu cầu của bị hại Lê Thành Th yêu cầu được nhận lại chiếc xe máy đào và bồi thường thiệt hại mất thu nhập do không sử dụng xe máy đào trong thời gian 18 tháng x 7.000.000 đồng/tháng = 126.000.000 đồng. Yêu cầu trên của bị hại đã được bị cáo chấp nhận và trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử gia đình của bị cáo đã nộp đủ số tiền bồi thường thiệt hại trên cho bị hại Th và tại phiên Tòa bị hại Th không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6.2] Xét yêu cầu của anh Nguyễn Ngọc Á là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Tại phiên tòa anh Á chỉ yêu cầu bị cáo Huỳnh Mai Ngọc D phải hoàn lại tiền số là 400.000.000 đồng đã mua xe máy đào của bị cáo ngoài ra không yêu cầu gì khác. Yêu cầu của anh Á đã được bị cáo chấp nhận nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 589 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu của anh Á.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên trả cho bị hại Lê Thành Th xe máy đào hiệu IHI 110J - 2, màu sơn xanh, số serial: CD012204.

[8] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Đối với anh Nguyễn Ngọc Á, có hành vi mua lại chiếc xe máy đào do bị cáo D bán nhưng không biết đây là tài sản do bị cáo chiếm đoạt nên không phạm tội.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, Điều luật áp dụng, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo và phần bồi thường thiệt hại về dân sự là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 175, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Tuyên bố Bị cáo Huỳnh Mai Ngọc D phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bắt tạm giam ngày 01/11/2021.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về bồi thường thiệt hại dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585; Điều 589 Bộ luật Dân sự:

3.1. Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Lê Thành Th số tiền 126.000.000 đồng. Gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp đủ số tiền 126.000.000 đồng để bồi thường theo yêu cầu của bị hại Th. Tạm giữ số tiền mà gia đình bị cáo đã nộp là 126.000.000 đồng (một trăm hai mươi sáu triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo các biên lai thu tiền số 0004903 ngày 28/02/2022; số 0004904 ngày 22/3/2022 và số 0004906 ngày 07/4/2022 để đảm bảo thi hành án cho bị hại Lê Thành Th.

3.2. Buộc bị cáo phải hoàn trả lại số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) cho anh Nguyễn Ngọc Á.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên trả cho bị hại Lê Thành Th xe máy đào hiệu IHI 110J - 2, màu sơn xanh, số serial: CD012204 (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15 tháng 3 năm 2022 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện V và Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Huỳnh Mai Ngọc D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của anh Á được Tòa chấp nhận.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- CQĐT Công an huyện Vân Canh;
- CQTHAHS Công an huyện Vân Canh;
- VKSND huyện Vân Canh;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- THADS huyện Vân Canh;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Phương